

Bản án số: 09/2025/HSST
Ngày 19 tháng 02 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Hoàn, bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2025/TLST-HS, ngày 23 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Đ, sinh ngày 08/7/1992 tại huyện A, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Làm thuê; cha Lê Văn T, sinh năm 1965, mẹ Lê Thị S, sinh năm 1965; vợ Hồ Thị Thùy L, sinh năm 1991; có 01 con sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/4/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

2. Hồ Thị Thùy L, sinh ngày 18/01/1991 tại huyện H, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Nội trợ; cha Hồ Văn T1, sinh năm 1967, mẹ Lê Thị M, sinh năm 1965; chồng Lê Văn Đ, sinh năm 1992; có 03 con, con lớn sinh năm 2010 nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác từ ngày 15/10/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1995; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

2. Bà Đinh Thị Q, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang – Đồng thời là Người đại diện hợp pháp của Lê Văn T2 (Là mẹ của T2). (Có mặt)

3. Ông Lê Văn V, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

4. Ông Võ Thái H1, sinh năm 1996; nơi cư trú: Khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

5. Ông Võ Thái H2, sinh năm 1969; nơi cư trú: Khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

6. Bà Trương Thị Vân A, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- *Người chứng kiến*: Ông Huỳnh Thanh T3, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/4/2024, Hồ Thị Thùy L nhắn tin cho Facebook tên “Hoang Trong” (người tên T4) mua 3.000.000 đồng ma túy. L chuyển tiền cho T4 qua số tài khoản 0009919597495 - Ngân hàng V1, tên chủ tài khoản Võ Thái H1. Sau khi nhận được tiền, T4 nhắn tin lại cho L giảm cho L 400.000 đồng, khi nào nhận ma túy sẽ đưa lại số tiền này. Chiều ngày 16/4/2024, L kêu Lê Văn Đ (chồng của L) chở L cùng với con gái đi đến Trung tâm Y tế huyện A để thăm bà nội đang trị bệnh và sẵn tiện nhận ma túy mà L mua của T4. Đò điều khiển xe gắn máy chở L và con đi được khoảng 02 km thì xe bị hỏng. Lúc này Lê Văn T2 điều khiển xe mô tô đến thì Đ kêu T2 dừng lại và nhờ chở Đ đi “lấy đồ”, còn L dẫn xe về nhà. Trước khi về, L đưa điện thoại của L có gắn sim số 0397969013 cho Đ giữ để liên lạc nhận ma túy, đồng thời căn dặn Đ khi nhận ma túy thì nhận lại 400.000 đồng. Sau đó, T2 chở Đ chạy về hướng cầu P theo đường Quốc lộ 91C để nhận ma túy.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 16/4/2024 Phòng phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh A phối hợp cùng Đoàn Biên phòng P tuần tra. Khi đến khu vực cầu P thì phát hiện Lê Văn T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu VISION, biển kiểm soát 67G1-382.52 chở Lê Văn Đ chạy hướng từ xã P về thị trấn A có biểu hiện nghi vấn nên ra tín hiệu yêu cầu dừng xe kiểm tra. T2 không chấp hành hiệu lệnh mà tăng ga bỏ chạy. Tổ công tác thông báo cho Công an thị trấn A phối hợp ngăn chặn và tiếp tục truy đuổi đến khu vực khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang thì dừng được phương tiện. Qua kiểm tra thu giữ: 01 (một) bọc nylon bên trong có chứa tinh thể màu trắng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu VISION, BKS: 67G1-38252; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe số 019388 mang tên Đặng Thị Thu H; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO; 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung; 01 (một) đèn pin tự chế; 01 (một) bật lửa; Tiền Việt Nam 3.772.000 đồng.

Kết luận giám định số 535/KL-KTHS ngày 20/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh A kết luận: Mẫu M (chất tinh thể màu trắng thu giữ) gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 4,8867g (bốn phẩy tám tám sáu bảy gam).

Ngày 25/4/2024, Lê Văn Đ và Lê Văn T2 bị khởi tố, điều tra.

Quá trình điều tra, Lê Văn T2 bị bệnh chết, nên đã đình chỉ điều tra.

Theo Bản Cáo trạng số: 71/CT-VKSAP-HS, ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Lê Văn Đ, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Ngày 19/11/2024 Tòa án nhân dân huyện An Phú có Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 85/2024/HSST-QĐ, với các lý do: Có dấu hiệu còn có đồng phạm, bỏ lọt tội phạm và dấu hiệu của tội phạm khác.

Quá trình điều tra bổ sung, ngày 20/12/2024 Cơ quan điều tra đã khởi tố Hồ Thị Thùy L và thay đổi Kết luận điều tra.

Cáo trạng số: 10/CT-VKSAP-HS, ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Lê Văn Đ và Hồ Thị Thùy L cùng về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn Đ, Hồ Thị Thùy L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – đồng thời là người đại diện hợp pháp của Lê Văn T2, bà Đinh Thị Q trình bày: Bà Q là mẹ của T2, xe mô tô biển số 67G1-382.52 là của con gái bà tên Đinh Thị Thu H3. Việc T2 lấy xe đi cùng Đồ gia đình không biết. Đồng thời khi đi thì T2 có lấy theo điện thoại di động của ông V (cha của T2); điện thoại còn lại và số tiền thì bà không rõ. Bà có yêu cầu nhận lại toàn bộ tài sản thu giữ của T2. Nếu sau này xác định được chủ sở hữu điện thoại và số tiền thì bà sẽ trả lại.

Bà Đặng Thị Thu H xác định xe mô tô biển số 67G1-382.52, hiệu VISON là của bà mua năm 2017. Do đi làm ăn xa nên để lại nhà cho mẹ bà (là bà Q) làm phương tiện đi lại. Bà có yêu cầu được nhận lại xe. (BL 139).

Trương Thị Vân A thừa nhận là người đăng ký sử dụng số điện thoại 0377788474. Xác định không quen biết với Lê Văn Đ và Hồ Thị Thùy L và cũng không liên lạc với Đ và L qua số điện thoại 0397969013. (BL 266 – 267)

Võ Thái H2 thừa nhận là người đăng ký sử dụng số điện thoại 0943232432. Xác định không quen biết với Lê Văn Đ và Hồ Thị Thùy L và cũng không liên lạc với Đ và L qua số điện thoại 0397969013. (BL 268 – 269)

Võ Thái H1 xác định không quen biết và giao dịch gì với L và Đ, bản thân không có mở tài khoản ngân hàng. (BL 195)

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; xử phạt bị cáo Hồ Thị Thùy L từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù cùng về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 2 bị cáo. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các chất ma túy còn lại sau giám định và các vật chứng liên quan; trả lại xe mô tô cho Đặng Thị Thu H; trả lại các tài sản thu giữ của T2 cho đại diện hợp pháp của T2 là bà Đinh Thị Q; tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 380.000 đồng và điện thoại thu giữ của Lê Văn Đ.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên những người tham gia tố tụng này đã có lời khai trong hồ sơ. Tại phiên tòa, các bị cáo, Kiểm sát viên không có ý kiến. Xét việc họ vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau. Lời khai của các bị cáo cũng phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác về thời gian, địa điểm, về việc liên hệ nhận ma túy. Căn cứ vào các lời khai; Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 16/4/2024 của lực lượng Bộ đội Biên phòng, tang vật thu giữ; Kết luận giám định của Phòng K - Công an tỉnh A và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có căn cứ xác định:

Sáng ngày 16/4/2024, Hồ Thị Thùy L nhắn tin cho Facebook tên “Hoang Trong” (người tên T4) mua 3.000.000 đồng ma túy, mục đích để L và Lê Văn Đ sử dụng.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 16/4/2024, Lê Văn T2 và Lê Văn Đ đến Cầu P (thuộc huyện A) nhận ma túy. Sau khi nhận ma túy trên đường trở về đến khu vực khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang thì bị bắt quả tang cùng với 4,8867gam ma túy, loại Methamphetamine.

Từ đó có cơ kết luận, hành vi của Hồ Thị Thùy L, Lê Văn Đ, Lê Văn T2 đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, do trong giai đoạn điều tra Lê Văn T2 chết, nên Cơ quan điều tra đình chỉ điều tra với T2; Viện kiểm sát chỉ truy tố đối với Lê Văn Đ và Hồ Thị Thùy L là đúng quy định.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Đồng thời gây ảnh hưởng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và phòng, chống tội phạm về ma túy nói riêng.

[4] Xét tính chất, mức độ; nguyên nhân; động cơ, mục đích phạm tội và việc áp dụng hình phạt: Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, mức độ hành vi là hết sức nguy hiểm. Bởi ma túy được coi là “cái chết trắng”, nó gây ảnh hưởng sức khỏe, hạnh phúc gia đình; gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát sinh các tội phạm khác. Nguyên nhân các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do ý thức pháp luật kém và nghiện ma túy.

Đây là vụ án có đồng phạm, là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều nhận thức được tính nguy hiểm của chất ma túy nhưng cố ý thực hiện. Hai bị cáo là vợ chồng, cùng nghiện ma túy và có ý chí thống nhất mua ma túy để tàng trữ cùng sử dụng. Cả hai bị cáo có vai trò ngang nhau trong đồng phạm.

Nhận thấy, việc mua ma túy của các bị cáo gần như công khai, bất chấp pháp luật, đã cho thấy sự liều lĩnh, xem thường pháp luật của các bị cáo cũng như những người bán ma túy. Đồng thời, tình hình tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, nhất là trong giới thanh thiếu niên. Xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc đối với loại tội phạm này; áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, nhằm răn đe, trừng trị và phòng ngừa chung.

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều thuộc thành phần lao động nghèo, là lao động chính, có con còn nhỏ, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, phù hợp tính chất, mức độ của hành vi và nhân thân từng bị cáo, nên được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, kinh tế không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với phong bì chứa mẫu vật còn lại sau giám định là chất ma túy, là chất Nhà nước cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 đèn pin tự chế, 01 bật lửa là vật dụng của Đ, xét không có giá trị sử dụng và Đ cũng từ chối nhận lại, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với điện thoại di động màu xám, hiệu Samsung là của bị cáo L giao cho Đ sử dụng liên hệ mua, nhận ma túy, nên tịch thu hóa giá nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 67G1-382.52 là phương tiện Lê Văn T2 cùng Lê Văn Đ sử dụng đi nhận ma túy. Do việc T2 sử dụng xe làm phương tiện đi nhận ma túy H không biết, nên trả lại xe cùng Giấy chứng nhận đăng ký cho bà Đặng Thị Thu H.

- Đối với 01 điện thoại di động màu vàng, hiệu OPPO; 01 điện thoại di động màu xanh lam, hiệu ViVo; số tiền 3.392.000 đồng được xác định là của Lê Văn T2, không liên quan tội phạm, nên trả lại cho đại diện hợp pháp của Lê Văn T2 là bà Đinh Thị Q.

- Đối với số tiền 380.000 đồng của Lê Văn Đ được xác định là tiền sử dụng vào việc mua ma túy được người bán ma túy trả lại, nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Kiến nghị: Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ nhân thân, lai lịch của người tên T4 (người liên hệ bán ma túy cho L và Đ); điều tra làm rõ hành vi của Võ Thái H1 (người đứng tên chủ tài khoản số 0009919597495 – Ngân hàng V1); hành vi của Võ Thái H2 - chủ thuê bao di động số 0943232432 (số điện thoại có giao dịch mua bán ma túy với L và Đ); hành vi của Trương Thị Vân A - chủ thuê bao di động số 0377788474 (số điện thoại của người giao ma túy cho Đ), để xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ và bị cáo Hồ Thị Thùy L đồng phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”,

1. Về hình phạt:

1.1 Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 4 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 17/4/2024 (ngày mười bảy tháng tư năm hai nghìn không trăm hai mươi bốn).

1.2 Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Thùy L 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy, 01 (một) phong bì chứa mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) đèn pin tự chế, 01 (một) bật lửa.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu xám, hiệu S1; tiền Việt Nam 380.000 (ba trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Trả lại cho bà Đặng Thị Thu H 01 (một) xe mô tô hiệu VISION, biển kiểm soát 67G1-382.52 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe; trả lại cho Lê Văn T2 (người đại diện hợp pháp của T2 là bà Đinh Thị Q được nhận) 01 (một) điện thoại di động màu vàng, hiệu OPPO; 01 (một) điện thoại di động màu xanh lam, hiệu ViVo; tiền Việt Nam 3.392.000 (ba triệu ba trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

(Đặc điểm từng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 02 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A với Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú và Biên lai thu tiền số 0004407 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án huyện An Phú).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Mỗi bị cáo Lê Văn Đ và Hồ Thị Thùy L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt các bị cáo và bà Đinh Thị Q. Thời hạn kháng cáo của các bị cáo và bà Q là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/02/2025). Thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- NTG Công an huyện An Phú (2);
- CC THADS huyện An Phú (1);
- Phòng HS Công an tỉnh (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (2);
- UBND xã Quốc Thái (1);
- Bị cáo (2);
- Người liên quan (6);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn Sáu

